

Số: **2382**/QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày **04** tháng **9** năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành quy định về quy trình xây dựng và phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về đổi tên Trường ĐHSP Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Văn bản số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 1016/QĐ-ĐHV ngày 22/10/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định về quy trình xây dựng và phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Vinh.

Điều 2. Quyết định này được áp dụng cho tất cả các ngành đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Vinh.

Handwritten text, likely a title or header, in a cursive script. It appears to be in English, possibly mentioning a date or location.



Handwritten text, possibly a signature or date, in a cursive script. It appears to be in English.

QUY ĐỊNH

Về quy trình xây dựng và phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy tại Trường Đại học Vinh

(Ban hành theo Quyết định số: 282/QĐ-ĐHV ngày 04/9/2019 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Vinh)

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về Quy trình xây dựng và phát triển CTĐT trình độ đại học hệ chính quy của Trường Đại học Vinh (sau đây gọi tắt là “Quy trình xây dựng CTĐT”) bao gồm:

- Quy trình xây dựng chuẩn đầu ra;
- Quy trình xây dựng CTĐT;
- Quy trình thẩm định và ban hành CTĐT mới;
- Quy trình cập nhật và tổ chức đánh giá, phát triển CTĐT.

2. Văn bản này áp dụng đối với các tập thể và cá nhân liên quan đến việc xây dựng và phát triển CTĐT trình độ đại học hệ chính quy của Trường Đại học Vinh.

Điều 2. Căn cứ pháp lý xây dựng và phát triển chương trình đào tạo

Việc xây dựng và phát triển CTĐT trình độ đại học hệ chính quy của Trường Đại học Vinh phải dựa trên các văn bản pháp quy sau đây:

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Văn bản số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Điều 3. Quy trình xây dựng chuẩn đầu ra (CĐR) CTĐT

Bước 1. Thành lập Tổ soạn thảo Chuẩn đầu ra CTĐT

Trường khoa/viện thành lập Tổ soạn thảo CĐR CTĐT (sau đây gọi tắt là Tổ soạn thảo) cho mỗi ngành đào tạo và chỉ định Tổ trưởng. Tổ soạn thảo gồm các đại

diện của cơ sở sử dụng sinh viên tốt nghiệp (cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, trường phổ thông,...); giảng viên; cán bộ quản lý; ngoài ra có thể mời các chuyên gia từ các trường đại học và học viện liên quan đến ngành đào tạo; cựu sinh viên,...

Tổ soạn thảo tổ chức thảo luận và thống nhất về mục tiêu, nội dung, cấu trúc, kế hoạch thời gian, cách thức triển khai, các nguồn lực và giao nhiệm vụ cho các cá nhân và tập thể chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng CDR.

Bước 2. Xây dựng dự thảo CDR CTĐT

Tổ soạn thảo nghiên cứu các CTĐT hiện hành của ngành, tham khảo chuyên gia, đề xuất các kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức và năng lực tương ứng với ngành đào tạo để có danh mục chuẩn đầu ra của ngành (**Dự thảo CDR lần thứ nhất**) hướng tới sản phẩm đào tạo cụ thể theo định hướng nghề nghiệp.

(Tham khảo mẫu chuẩn đầu ra ngành kỹ sư Cơ khí của Học viện Công nghệ Massachusetts (MIT), Hoa kỳ ở **Phụ lục 1**).

Chuẩn đầu ra cấp chương trình được thiết kế theo 4 nhóm nội dung:

- + Kiến thức và lập luận ngành;
- + Kỹ năng và phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp;
- + Kỹ năng giao tiếp;
- + Năng lực thực hành nghề nghiệp để phân nhiệm giảng dạy cho các môn học và đánh giá ở cấp chương trình.

Sản phẩm của bước này là **Dự thảo CDR lần thứ nhất**

Bước 3. Tổ chức khảo sát thu thập thông tin các bên liên quan

Ở bước này, Tổ soạn thảo thực hiện các nội dung sau:

1. Thiết kế **phiếu khảo sát** các bên liên quan về các năng lực người học cần đạt. (Cần tiến hành điều tra thử để điều chỉnh phiếu điều tra cho phù hợp).

Tham khảo mẫu Phiếu khảo sát thu thập thông tin ở **Phụ lục 2**.

2. Lập kế hoạch, xác định các đối tượng, dự toán kinh phí khảo sát, tổ chức thảo luận, xin ý kiến chuyên gia về các công việc cần làm để thu thập thông tin nhằm hoàn thiện CDR.

3. Tổ chức khảo sát thu thập thông tin:

- Tổ soạn thảo tập huấn cho cán bộ thực hiện khảo sát.
- Tổ chức khảo sát các bên liên quan.
- Xử lý số liệu khảo sát.

Sản phẩm của bước này là **Phiếu khảo sát thu thập thông tin** và **Bảng tổng hợp**

Kết quả khảo sát thu thập thông tin của các bên liên quan.

Bước 4. Hoàn thiện Dự thảo chuẩn đầu ra

Dựa vào kết quả phân tích số liệu khảo sát các bên liên quan, Trưởng khoa/viện tổ chức Hội thảo hoàn thiện **Dự thảo chuẩn đầu ra** và báo cáo Hội đồng Khoa học - Đào tạo trường.

Hội đồng Khoa học – Đào tạo trường tổ chức hội thảo, lấy ý kiến đóng góp cho dự thảo chuẩn đầu ra của tất cả các ngành đào tạo; Công bố dự thảo chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trên trang Web của trường để cán bộ quản lý, các nhà khoa học, giảng viên, sinh viên, các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, các trường/khoa cùng khối ngành,... trong và ngoài trường cho ý kiến đóng góp.

Bước 5. Hoàn thiện, phê duyệt và công bố CDR CTĐT.

Sau khi hoàn thiện, CDR CTĐT được thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường, trình Hiệu trưởng phê duyệt, ký ban hành và được công bố trên website của Trường.

Điều 3. Quy trình xây dựng chương trình đào tạo

Việc tổ chức khảo sát để thu thập thông tin về chương trình đào tạo từ các bên liên quan được tiến hành đồng thời với việc khảo sát xây dựng CDR. Các bước xây dựng và hoàn thiện chương trình đào tạo, gồm:

Bước 1. Thành lập Tổ soạn thảo CTĐT

Trường khoa/viện thành lập Tổ soạn thảo CTĐT cho mỗi ngành đào tạo và chỉ định nhóm trưởng. Nhóm chuyên gia gồm các đại diện của cơ sở sử dụng sinh viên tốt nghiệp (cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, trường phổ thông,...); giảng viên; cán bộ quản lý; ngoài ra có thể mời các chuyên gia trong nước từ các trường đại học và học viện liên quan đến ngành đào tạo; cựu sinh viên,...

Bước 2. Xây dựng dự thảo CTĐT

Tổ soạn thảo CTĐT thực hiện các nội dung:

- Nghiên cứu các chương trình đào tạo hiện hành của ngành, tham khảo chuyên gia và dựa vào CDR dự kiến khung chương trình đào tạo.

Cấu trúc của Chương trình đào tạo theo mẫu ở **Phụ lục 3**.

- Tổ chức khảo sát black box để thiết kế trình tự giảng dạy của các học phần và sắp xếp các học phần vào chương trình đào tạo.

Sản phẩm của bước này là **Dự thảo CTĐT lần 1**.

Bước 3: Triển khai khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan

- Tổ soạn thảo thiết kế phiếu khảo sát các bên liên quan về Dự thảo CTĐT.

(Cần tiến hành điều tra thử để điều chỉnh phiếu điều tra cho phù hợp).

Tham khảo mẫu phiếu khảo sát về CTĐT ở **Phụ lục 4**.

- Lập kế hoạch, xác định các đối tượng, dự toán kinh phí khảo sát, tổ chức thảo luận, xin ý kiến chuyên gia về các công việc cần làm để thu thập thông tin nhằm hoàn thiện CTĐT.

- Tập huấn cho cán bộ thực hiện khảo sát.

- Tổ chức khảo sát các bên liên quan.

- Xử lý số liệu khảo sát.

Bước 4. Hoàn thiện chương trình đào tạo lần thứ nhất

Dựa vào kết quả phân tích số liệu khảo sát các bên liên quan, Trường các khoa/viện tổ chức hội thảo hoàn thiện Dự thảo CTĐT lần thứ nhất.

Sản phẩm của bước này là **Dự thảo CTĐT lần thứ 2**.

Bước 5. Tổ chức xây dựng chuẩn đầu ra và đề cương chi tiết các học phần của Dự thảo CTĐT lần thứ 2

- Trường khoa/viện cùng Nhóm chuyên gia tổ chức hội thảo về xây dựng CDR cho các học phần trong CTĐT và tổ chức xây dựng Ma trận các học phần và kỹ năng (tham khảo **Phụ lục 5**);

- Giao Trưởng bộ môn chỉ đạo các chuyên gia, các giảng viên xây dựng **chuẩn đầu ra** và **đề cương chi tiết** các học phần của Dự thảo CTĐT lần thứ 2 cho các học

phần do bộ môn đảm nhiệm; (tham khảo mẫu CDR, đề cương tổng quát, đề cương chi tiết học phần tại các **phụ lục 6a, 6b**).

Sản phẩm của bước này là **Ma trận các học phần và kỹ năng, và Đề cương tổng quát, đề cương chi tiết các học phần**.

Bước 6. Tổ chức hội thảo hoàn thiện Dự thảo CTĐT lần thứ hai

Trường khoa/viện tổ chức Hội thảo lấy ý kiến đóng góp từ đại diện các nhà quản lý (sở giáo dục, cán bộ phòng đào tạo, trung tâm kiểm định chất lượng các cơ sở giáo dục đại học), nhà khoa học, chuyên gia, giảng viên, sinh viên và cựu sinh viên...; và **hoàn thiện Dự thảo CTĐT lần thứ hai**.

Sản phẩm của bước này là *Dự thảo CTĐT lần thứ ba*.

Bước 7. Hoàn thiện, phê duyệt và công bố CTĐT

Sau khi hoàn thiện, CTĐT được Hội đồng nghiệm thu (thẩm định) cấp khoa/viện và cấp trường; thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường; trình Hiệu trưởng phê duyệt, ký ban hành và đọc công bố trên website của Trường.

Sản phẩm của bước này là *CTĐT hoàn chỉnh, được ký duyệt, ban hành*.

Điều 4. Quy trình thẩm định và ban hành chương trình đào tạo (đối với những ngành xây dựng mới)

1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT (sau đây gọi là Hội đồng thẩm định) theo đề nghị của Hội đồng khoa học và đào tạo khoa/viện và trường. Tiêu chuẩn và cơ cấu Hội đồng thẩm định được quy định như sau:

a) Hội đồng thẩm định có ít nhất 5 thành viên có trình độ tiến sĩ trở lên đứng ngành/ chuyên ngành đào tạo với chương trình cần thẩm định; trong đó có ít nhất một người đại diện cho các đơn vị sử dụng lao động sau đào tạo; các thành viên Tổ soạn thảo không tham gia Hội đồng thẩm định. Khuyến khích các ngành mời giảng viên có uy tín của các trường đại học nước ngoài tham gia hội đồng thẩm định chương trình;

Trường hợp không có người đại diện cho đơn vị sử dụng lao động đủ tiêu chuẩn tham gia Hội đồng thẩm định thì có thể mời người có học vị thạc sĩ từ 3 năm trở lên cùng ngành đào tạo và có tối thiểu 5 năm kinh nghiệm thực tiễn thuộc lĩnh vực của CTĐT tham gia làm ủy viên hội đồng thẩm định CTĐT;

b) Hội đồng thẩm định gồm Chủ tịch, Thư ký và một số ủy viên, trong đó có 02 ủy viên phản biện thuộc hai cơ sở đào tạo khác nhau. Nhà trường chỉ cử một người tham gia hội đồng thẩm định là lãnh đạo phòng Đào tạo làm nhiệm vụ thư ký hội đồng;

2. Thẩm định chương trình đào tạo

Hội đồng thẩm định căn cứ vào các quy định của quy chế đào tạo hiện hành; các quy định hiện hành về CTĐT; yêu cầu của ngành/chuyên ngành đào tạo và mục tiêu, chuẩn đầu ra đã xác định để thẩm định chương trình;

3. Hiệu trưởng ký quyết định ban hành CTĐT trên cơ sở đề nghị của hội đồng khoa học và đào tạo; công bố công khai CTĐT, mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT và các điều kiện đảm bảo thực hiện trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

Điều 5. Quy trình cập nhật và tổ chức đánh giá, phát triển CTĐT

1. Quy trình cập nhật, đánh giá, phát triển CTĐT

a) Bước 1: Lập kế hoạch cập nhật, đánh giá CTĐT;

b) Bước 2: Thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật CTĐT (những thay đổi trong quy định của nhà nước, của nhà trường về CTĐT; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành; các vấn đề kinh tế xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến CTĐT; phản hồi của các bên liên quan; những thay đổi học phần, môn học hoặc nội dung chuyên môn...);

c) Bước 3: Đánh giá và xây dựng báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của CTĐT đang thực hiện (đáp ứng so với chuẩn đầu ra và mục tiêu đã xác định; sự thống nhất và gắn kết giữa nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy...); so sánh giữa kết quả nghiên cứu về yêu cầu phát triển CTĐT và mức độ đáp ứng yêu cầu của CTĐT đang thực hiện; dự kiến tác động của việc thay đổi, cập nhật CTĐT;

d) Bước 4: Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật CTĐT và trình Hội đồng khoa học và đào tạo xem xét thông qua;

đ) Bước 5: Hội đồng khoa học và đào tạo xem xét, thông qua nội dung sửa đổi, cập nhật CTĐT và trình Hiệu trưởng ban hành CTĐT sửa đổi, bổ sung.

2. Tổ chức đánh giá, phát triển CTĐT

a) Ít nhất 2 năm một lần, Trường các khoa/viện phải tổ chức đánh giá CTĐT theo quy định từ bước 1 đến bước 4 của Quy trình cập nhật, đánh giá, phát triển CTĐT.

b) Hiệu trưởng ban hành CTĐT cập nhật, bổ sung trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo sau khi CTĐT được đánh giá theo quy định.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Hiệu trưởng giao phòng Đào tạo chịu trách nhiệm đầu mối tổ chức thực hiện các nội dung quy trình này; Phòng Đào tạo có nhiệm vụ tham mưu cho Hiệu trưởng các giải pháp cải tiến, phát triển CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội, cập nhật với tiến bộ mới, đảm bảo các yêu cầu về kiểm định CTĐT của quốc gia, khu vực và thế giới;

2. Theo định kỳ, Trường các khoa/viện tổ chức rà soát, đánh giá CTĐT hiện hành; điều chỉnh, phát triển CTĐT mới trình Hiệu trưởng ban hành theo yêu cầu của Nhà trường.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Trần Bá Tiến

Phụ lục 1

Mẫu chuẩn đầu ra theo phương pháp CDIO cho ngành kỹ sư cơ khí tại Học viện Công nghệ Massachusetts (MIT), Hoa kỳ

1- KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN KỸ THUẬT

- 1.1. KIẾN THỨC KHOA HỌC CƠ BẢN
- 1.2. KIẾN THỨC NỀN TẢNG KỸ THUẬT CỐT LÕI
- 1.3. KIẾN THỨC NỀN TẢNG KỸ THUẬT NÂNG CAO

2- KỸ NĂNG CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP VÀ CÁC TỔ CHẤT

- 2.1. LẬP LUẬN KỸ THUẬT VÀ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ
 - 2.1.1. Xác định vấn đề và phạm vi
 - 2.1.2. Mô hình hóa
 - 2.1.3. Ước lượng và phân tích định tính
 - 2.1.4. Phân tích với sự hiện diện của các yếu tố bất định
 - 2.1.5. Kết thúc vấn đề
- 2.2. THỬ NGHIỆM VÀ KHÁM PHÁ KIẾN THỨC
 - 2.2.1. Nguyên tắc nghiên cứu và điều tra
 - 2.2.2. Điều tra theo thử nghiệm
 - 2.2.3. Khảo sát qua tài liệu và thông tin điện tử
 - 2.3.4. Thử nghiệm giả thuyết và bảo vệ
- 2.3. SUY NGHĨ TÂM HỆ THỐNG
 - 2.3.1. Suy nghĩ toàn cục
 - 2.3.2. Sự nảy sinh và tương tác trong những hệ thống
 - 2.3.3. Sắp xếp trình tự ưu tiên và tập trung
 - 2.3.4. Trao đổi và cân bằng các yếu tố khác nhau
- 2.4. KỸ NĂNG VÀ THÁI ĐỘ CÁ NHÂN
 - 2.4.1. Đề xuất sáng kiến và sẵn sàng chấp nhận rủi ro
 - 2.4.2. Kiên trì và Linh hoạt
 - 2.4.3. Tư duy sáng tạo
 - 2.4.4. Tư duy suy xét
 - 2.4.5. Hiểu biết về bản thân
 - 2.4.6. Hăm tìm hiểu và học tập suốt đời
 - 2.4.7. Quản lý thời gian và nguồn lực
- 2.5. CÁC KỸ NĂNG VÀ PHẨM CHẤT NGHỀ NGHIỆP
 - 2.5.1. Đạo đức nghề nghiệp (trung thực, trách nhiệm và đáng tin cậy)
 - 2.5.2. Hành xử chuyên nghiệp
 - 2.5.3. Chủ động lên kế hoạch cho nghề nghiệp của mình
 - 2.5.4. Luôn cập nhật thông tin trong lĩnh vực kỹ thuật

3- KỸ NĂNG PHỐI HỢP GIỮA CÁC CÁ NHÂN

- 3.1. LÀM VIỆC THEO NHÓM
 - 3.1.1. Hình thành nhóm làm việc hiệu quả
 - 3.1.2. Hoạt động nhóm
 - 3.1.3. Phát triển và tiến triển nhóm
 - 3.1.4. Lãnh đạo nhóm
 - 3.1.5. Hợp tác kỹ thuật
- 3.2. GIAO TIẾP
 - 3.2.1. Chiến lược giao tiếp
 - 3.2.2. Cấu trúc giao tiếp (cách lập luận, sắp xếp ý tưởng..)
 - 3.2.3. Kỹ năng giao tiếp bằng văn viết
 - 3.2.4. Giao tiếp điện tử/đa truyền thông
 - 3.2.5. Kỹ năng giao tiếp bằng đồ họa
 - 3.2.6. Kỹ năng thuyết trình và giao
- 3.3. GIAO TIẾP SỬ DỤNG NGOẠI NGỮ
 - 3.3.1. Tiếng Anh
 - 3.3.2. Ngôn ngữ của các nước công nghiệp trong khu vực
 - 3.3.3. Ngoại ngữ khác

4- ÁP DỤNG KIẾN THỨC ĐỂ ĐEM LẠI LỢI ÍCH CHO XÃ HỘI BẰNG CÁC NĂNG LỰC CDIO

- 4.1. BỐI CẢNH XÃ HỘI VÀ NGOẠI CẢNH
 - 4.1.1. Vai trò và trách nhiệm của các kỹ sư
 - 4.1.2. Tác động của kỹ thuật đến xã hội
 - 4.1.3. Quy định của xã hội về kỹ thuật
 - 4.1.4. Kiến thức về bối cảnh lịch sử và văn hóa

- 4.1.5. Các vấn đề và giá trị của thời đại
- 4.1.6. Bối cảnh toàn cầu
- 4.2. BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP VÀ KINH DOANH
- 4.2.1. Tôn trọng văn hóa doanh nghiệp
- 4.2.2. Chiến lược, mục tiêu và kế hoạch của doanh nghiệp
- 4.2.3. Có đầu óc kinh doanh thông qua kỹ thuật
- 4.2.4. Làm việc thành công trong tổ chức
- 4.3. HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG VỀ HỆ THỐNG
- 4.3.1. Thiết lập mục tiêu và yêu cầu của hệ thống/sản phẩm/chiến lược/dự án...
- 4.3.2. Định nghĩa chức năng, khái niệm và cấu trúc
- 4.3.3. Mô hình hóa hệ thống và đảm bảo mục tiêu có thể đạt được
- 4.3.4. Quản lý đề án
- 4.4. THIẾT KẾ
- 4.4.1. Quy trình thiết kế
- 4.4.2. Phân đoạn quy trình thiết kế và phương pháp tiếp cận
- 4.4.3. Vận dụng kiến thức trong thiết kế
- 4.4.4. Thiết kế chuyên ngành
- 4.4.5. Thiết kế đa ngành
- 4.4.6. Thiết kế đa mục đích
- 4.5. TRIỂN KHAI
- 4.5.1. Thiết kế và mô phỏng quá trình triển khai
- 4.5.2. Quy trình sản xuất phần cứng
- 4.5.3. Quy trình triển khai phần mềm
- 4.5.4. Tích hợp phần cứng – phần mềm
- 4.5.5. Kiểm tra, kiểm chứng, phê chuẩn và chứng nhận
- 4.6. VẬN HÀNH
- 4.6.1. Mô phỏng, thiết kế và tối ưu hóa vận hành
- 4.6.2. Đào tạo và vận hành
- 4.6.3. Hỗ trợ chu kỳ vòng đời hệ thống
- 4.6.4. Cải thiện và phát triển hệ thống
- 4.6.5. Các vấn đề liên quan đến kết thúc vòng đời
- 4.6.6. Quản lý vận hành

Phụ lục 2

Mã số phiếu:

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN

- *Nêu rõ lý do, mục đích, mục tiêu xin ý kiến (nói rõ muốn thông tin gì ở người được hỏi?)*

Ngày thu thập thông tin:...../...../.....

Phương pháp thu thập thông tin:

Điện thoại ☐

Email ☐

Phòng vấn trực tiếp ☐

Phần 1- Thông tin chung về cơ quan/tổ chức/cá nhân cung cấp thông tin (Câu 1 – 13)

A. Thông tin chung về người cung cấp thông tin

1. Họ và tên:.....

2. Năm sinh:..... Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐

3. Trình độ học vấn:

Tiến sĩ ☐ Thạc sĩ ☐ Cử nhân ☐ Khác ☐

4. Nghề nghiệp:..... Chức vụ (nếu có):.....

5. Điện thoại:..... Email:.....

B. Thông tin chung về doanh nghiệp/tổ chức

6. Tên đơn vị/tổ chức:.....

7. Địa chỉ :.....

Điện thoại: Email:.....

Đơn vị/tổ chức thuộc thành phần/ngành nào?

Quản lý Nhà nước ☐

Khu vực viện nghiên cứu, trường Đại học ☐

Khu vực kinh tế Nhà nước ☐

Khu vực kinh tế tư nhân ☐

Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ☐

Thành phần khác..... ☐

8. Đơn vị/tổ chức thuộc lĩnh vực/ngành nào?

Nông - Lâm - Thủy sản ☐

Công nghiệp – Xây dựng ☐

Thương mại, du lịch, khách sạn – nhà hàng ☐

Giao thông, vận tải, kho bãi, thông tin liên lạc ☐

Tài chính, tín dụng ☐

Giáo dục, y tế, KH&CN, kinh doanh tài sản, dịch vụ tư vấn ☐

Văn hóa, nghệ thuật, thể thao, xã hội nhân văn ☐

Quản lý Nhà nước, an ninh, quốc phòng ☐

Các lĩnh vực khác ☐

9. Tổng số nhân lực:.....

Nhỏ hơn 30 ☐

30-100 ☐

100-300 ☐

Trên 300 ☐

10. Năm thành lập:.....

11. Đơn vị/tổ chức của quý ông/bà cần nhân sự liên quan đến lĩnh vực (ngành đào tạo) ở các vị trí nào? Với từng vị trí đó, doanh nghiệp/tổ chức yêu cầu người xin việc phải có kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức như thế nào?

STT	Vị trí – Phòng/ban	Yêu cầu		
		Về kiến thức	Về kỹ năng	Về thái độ/phẩm chất đạo đức
1	...	...	...	...
2	...	...	...	...
	...	...	...	...

12. Theo quý ông/bà, sinh viên ngànhra trường có thể làm **trong những lĩnh vực nào?**

..... ☐

..... ☐

..... ☐

..... ☐

13. Theo quý ông/bà, sinh viên ngànhra trường có thể làm ở **những vị trí công tác cụ thể nào** (ứng với từng lĩnh vực mà ông/bà đã lựa chọn ở trên?)

STT	Lĩnh vực	Vị trí công tác
1		
2		
....		

Phần 2 -Đánh giá các kỹ năng cứng cần có của sinh viên tốt nghiệp ngành

14. Quý ông/bà đánh giá như thế nào về mức độ cần thiết của các kỹ năng cứng sau đây đối với sinh viên tốt nghiệp ngành....? (Khoanh tròn vào mức độ lựa chọn).

Theo ông/bà, sinh viên tốt nghiệp ngành..... đang làm việc ở doanh nghiệp/tổ chức của quý ông/bà (nếu có) đã đạt được các kỹ năng cứng ở mức độ nào? (Khoanh tròn vào mức độ lựa chọn).

STT	Các kỹ năng cứng	Mức độ cần thiết	Mức độ đạt được
		1- Không biết. 2-Không cần thiết 3- Ít cần thiết 4- Cần thiết. 5- Rất cần thiết	1- Biết 2- Tham gia 3-Hiểu và giải thích 4-Thực hành thành thạo. 5-Lãnh đạo và Sáng tạo
1	Các kỹ năng nghề nghiệp 1.1. 1.2. 1.n.	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5
2	Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề 2.1. 2.2. 2.n.	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5
3	Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức 3.1. 3.2. 3.n.	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5

4	Khả năng tư duy theo hệ thống 4.1 4.2 4.n.....	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5
5	Hiểu bối cảnh xã hội và ngoại cảnh 5.1 5.2 5.n.....	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5
6	Hiểu bối cảnh tổ chức 6.1 6.2 6.n.....	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5
7	Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn (Ví dụ: đối với ngành kỹ sư là: năng lực thực hiện và vận hành sản phẩm, máy móc, công nghệ, thiết bị...; đối với ngành Kinh tế đối ngoại là năng lực thực hiện/triển khai phương án dự án và đánh giá) 7.1 7.2 7.n.....	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5
8	Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp 8.1 8.2 8.n.....	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5

15. Ngoài các kỹ năng cứng đã được liệt kê trong câu hỏi 14, theo quý Ông/Bà, một sinh viên tốt nghiệp ngành... cần có thêm các kỹ năng cứng nào?

Xin ghi rõ các kỹ năng cứng đó.....

Phần 3 - Đánh giá các kỹ năng mềm cần có của các cử nhân/kỹ sư ngành...

16. Quý ông/bà đánh giá như thế nào về mức độ cần thiết của các kỹ năng mềm sau đây đối với sinh viên tốt nghiệp ngành.....? (Khoanh tròn vào mức độ lựa chọn).

Theo quý ông/bà, sinh viên tốt nghiệp ngành..... đang làm việc ở doanh nghiệp/tổ chức của quý Ông/Bà (nếu có) đã đạt được các kỹ năng mềm ở mức độ nào? (Khoanh tròn vào mức độ lựa chọn).

STT	Các kỹ năng mềm	Mức độ cần thiết	Mức độ đạt được các kỹ năng
		1- Không biết. 2- Không cần thiết 3- Ít cần thiết 4- Cần thiết. 5- Rất cần thiết	1- Biết 2- Tham gia 3- Hiểu và giải thích 4- Thực hành thành thạo. 5- Lãnh đạo và Sáng tạo
1	Các kỹ năng cá nhân 1.1 1.2 1.n.....	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5
2	Làm việc theo nhóm 2.1 2.2 2.n.....	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5
3	Quản lý và lãnh đạo 3.1 3.2 3.n.....	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5

4	Kỹ năng giao tiếp										
	4.1.	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
	4.2.	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
	4.n.....										
5	Kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ										
	5.1.....	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
	5.2.....	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
	5.n.....										

17. Ngoài các kỹ năng mềm với nhau đã được liệt kê trong câu hỏi 16, theo Ông/Bà, một sinh viên tốt nghiệp ngành.....ra trường cần có thêm các kỹ năng mềm nào:

Xin ghi rõ các kỹ năng mềm đó.....

Phần 4 -Đánh giá các phẩm chất đạo đức cần có của các cử nhân/kỹ sư ngành...

18. Quý ông/bà đánh giá như thế nào về mức độ cần thiết của các phẩm chất đạo đức sau đây đối với sinh viên tốt nghiệp ngành.....? (Khoanh tròn vào mức độ lựa chọn).

Theo quý Ông/Bà, sinh viên tốt nghiệp ngành..... đang làm việc ở doanh nghiệp/tổ chức của quý Ông/Bà (nếu có) đã đạt được các phẩm chất đạo đức này ở mức độ nào? (Khoanh tròn vào mức độ chọn).

STT	Phẩm chất đạo đức	Mức độ cần thiết	Mức độ đạt được các kỹ năng
		1- Không biết. 2- Không cần thiết 3- Ít cần thiết 4- Cần thiết. 5- Rất cần thiết	1- Biết 2- Tham gia 3- Hiểu và giải thích 4- Thực hành thành thạo. 5- Lãnh đạo và Sáng tạo
1	Phẩm chất đạo đức cá nhân		
	1.1.	1 2 3 4 5	1 2 3 4 5
	1.2.	1 2 3 4 5	1 2 3 4 5
	1.n.		
2	Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp		
	2.1.	1 2 3 4 5	1 2 3 4 5
	2.2.	1 2 3 4 5	1 2 3 4 5
	2.n.		
3	Phẩm chất đạo đức xã hội		
	3.1.	1 2 3 4 5	1 2 3 4 5
	3.2.	1 2 3 4 5	1 2 3 4 5
	3.n.		

19. Ngoài phẩm chất đạo đức đã được liệt kê trong câu hỏi 18, theo Ông/Bà, một sinh viên tốt nghiệp ngành..... ra trường cần có thêm những nào:

Xin ghi rõ các phẩm chất đạo đức đó.....

Xin chân thành cảm ơn

Phụ lục 3

(Mẫu 3)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

Tên chương trình:

Trình độ đào tạo:

Ngành đào tạo:

Loại hình đào tạo:

(Ban hành theo Quyết định số: .../ĐT ngày ... /.../... của Hiệu trưởng)

1. Mục tiêu đào tạo:
.....

2. Chuẩn đầu ra

3. Thời gian đào tạo:

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá (tính bằng số tín chỉ)

5. Đối tượng tuyển sinh:

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

7. Thang điểm:

8. Nội dung chương trình:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: ... tín chỉ
 - + Kiến thức đại cương chung: ... tín chỉ
 - + Kiến thức đại cương khối ngành: ... tín chỉ
(Khoa học tự nhiên hoặc KHXH&NV)
- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ... tín chỉ
 - Kiến thức cơ sở của khối ngành và cơ sở ngành: ... tín chỉ
 - Kiến thức ngành: ... tín chỉ
 - Kiến thức chuyên ngành: ... tín chỉ

8. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến):

9. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần:

10. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình:

11. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:

- Phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm quan trọng
- Thư viện

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình:

Phụ lục 4
(Mẫu) PHIẾU THU THẬP Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN PHỔ THÔNG CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
 Ngành:

(Dành cho: GIẢNG VIÊN)

Kính chào Quý Thầy/Cô!

Để có những căn cứ thực tế cho việc đề xuất các giải pháp phát triển chương trình đào tạo sư phạm nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên phổ thông theo tiếp cận năng lực, Nhà trường tiến hành thu thập ý kiến đánh giá của Thầy/Cô đối với chương trình đào tạo ngành Sư phạm của Trường. Kính đề nghị Thầy/Cô vui lòng dành thời gian đọc kỹ và trả lời chính xác, khách quan các câu hỏi dưới đây bằng cách đánh dấu (✓) vào ô của phương án trả lời phù hợp. Tất cả thông tin, ý kiến chia sẻ của Thầy/Cô trong phiếu đánh giá hoàn toàn được bảo mật, và chỉ được dùng với mục đích phát triển chương trình đào tạo của Trường.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Thầy/Cô!

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Đơn vị công tác: **2. Chức vụ:**

3. Trình độ đào tạo cao nhất: Đại học ☐ Thạc sĩ ☐ Tiến sĩ ☐ Tiến sĩ khoa học ☐

4. Chuyên ngành được đào tạo:

5. Học hàm: Giáo sư ☐ Phó giáo sư ☐ Không có ☐

6. Thâm niên dạy học: Dưới 5 năm ☐ Từ 5-10 năm ☐ Từ 11-15 năm ☐
 Từ 16- 20 năm ☐ Từ 21-25 năm ☐ Trên 25 năm ☐

7. Số năm giảng dạy đại học: Dưới 5 năm ☐ Từ 5-10 năm ☐ Từ 11-15 năm ☐
 Từ 16- 20 năm ☐ Từ 21-25 năm ☐ Trên 25 năm ☐

8. Số lần đã tham gia xây dựng và phát triển chương trình đào tạo :

Chưa lần nào ☐ 1 lần ☐ 2 lần ☐ ≥ 3 lần ☐

B. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

Hãy thể hiện mức độ đồng ý của Thầy/Cô với mỗi nhận xét bằng cách đánh dấu (✓) vào ô tương ứng với một trong các số từ 1 đến 5.

(Số 1 ứng với Hoàn toàn không đồng ý, số 5 ứng với Hoàn toàn đồng ý, chiều từ 1 đến 5 diễn tả mức độ đồng ý tăng dần)

Câu 1. Về mục tiêu của chương trình đào tạo (CTĐT)

TT	Nội dung nhận xét	Mức độ đồng ý				
		1	2	3	4	5
1	Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng					
2	Mục tiêu của CTĐT phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường					
3	Mục tiêu của CTĐT phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học					
4	Mục tiêu của CTĐT phản ánh được nhu cầu của thị trường lao động					
5	Mục tiêu của CTĐT có mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể thể hiện được kiến thức khoa học; các kỹ năng/năng lực nghề nghiệp, phẩm chất cá nhân; kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp;					
6	Các ý kiến khác:					

Câu 2. Về chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo

TT	Nội dung nhận xét	Mức độ đồng ý				
		1	2	3	4	5
1	CĐR cụ thể hóa được các mục tiêu của CTĐT					
2	CĐR phù hợp và thể hiện đầy đủ các yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông					
3	CĐR thể hiện đầy đủ các yêu cầu đặc thù của chuyên ngành trong nhóm ngành đào tạo giáo viên					
4	CĐR có thể đo lường được theo thang đo năng lực					
5	CĐR thể hiện được trình độ năng lực cần hình thành cho người học					
6	CĐR của CTĐT có định kỳ rà soát, chỉnh sửa và được công bố công khai					
7	CĐR đáp ứng được yêu cầu học tập suốt đời của người học					
8	Các ý kiến khác:					

Câu 3. Về cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo (bản mô tả của chương trình)

TT	Nội dung nhận xét	Mức độ đồng ý				
		1	2	3	4	5
1.	Bản mô tả CTĐT có chứa các thông tin cần thiết					
2.	Bản mô tả CTĐT cụ thể hóa được mục tiêu và CĐR					
3.	- Tỷ lệ kiến thức giáo dục đại cương, giáo dục chuyên nghiệp và nghiệp vụ sư phạm trong CTĐT được thiết kế cân đối, hợp lý - Trật tự các môn học trong CTĐT hợp lý, đảm bảo các điều kiện ràng buộc của các môn học (điều kiện tiên quyết, học trước, song hành,...)					
4.	CTĐT thể hiện được được khối kiến thức cốt lõi của ngành đào tạo					
5.	Tỷ lệ kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập, thảo luận, bài tập và tự học, tự nghiên cứu của CTĐT hợp lý, đảm bảo sự cân đối					
6.	Tỷ lệ kiến thức bắt buộc và tự chọn trong CTĐT đảm bảo tính cân đối, hợp lý, giúp người học có thể lựa chọn được nhiều lĩnh vực kiến thức khác nhau					
7.	Nội dung CTĐT cập nhật những đổi mới trong thực tế giáo dục phổ thông ở Việt Nam và xu hướng giáo dục Quốc tế					
8.	Các ý kiến khác:					

Câu 4. Về khối lượng kiến thức chương trình đào tạo, thời lượng và thời gian rèn luyện nghiệp vụ sư phạm

TT	Nội dung nhận xét	Mức độ đồng ý				
		1	2	3	4	5
1.	Sự hợp lý về khối lượng kiến thức toàn khóa (... tín chỉ)					
2.	Sự hợp lý về thời gian đào tạo (... năm)					
3.	Sự hợp lý về thời lượng rèn luyện nghiệp vụ sư phạm: Tập giảng, các hoạt động giáo dục, rèn nghề,... Kiến tập sư phạm (1 tín chỉ) và thực tập sư phạm (5 tín chỉ) ở trường phổ thông					
4.	Sự hợp lý về phân bổ thời gian Tập giảng, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm (Kiến tập sư phạm vào học kỳ 5, Thực tập sư phạm vào học kỳ 8)					
5.	Các ý kiến khác:					

Câu 5. Về ma trận môn học, trình độ năng lực

TT	Nội dung nhận xét	Mức độ đồng ý				
		1	2	3	4	5
1.	CTĐT có ma trận phân nhiệm các chủ đề CĐR cho các môn học					
2.	Ma trận thể hiện mức độ kỹ năng, năng lực người học đạt được của CTĐT					

3.	Ma trận giúp cho các môn học của CTĐT không bị chồng chéo, trùng lặp về kiến thức và kỹ năng					
4.	Ma trận thể hiện được các mức độ giảng dạy I, T, U (Introduce: giới thiệu, Teach: dạy, Utilize: sử dụng) giúp hình thành cho người học các kiến thức và kỹ năng/năng lực từ thấp đến cao.					
5.	CTĐT thể hiện được sự tích hợp giữa kiến thức với kỹ năng cần thiết cho người học					
6.	Các ý kiến khác:					

Câu 6. Về đề cương chi tiết môn học (ĐCCT)

6.1. Về Cấu trúc và nội dung ĐCCT

TT	Nội dung nhận xét	Mức độ đồng ý				
		1	2	3	4	5
1.	Cấu trúc ĐCCT có đầy đủ các nội dung theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (thông tin môn học, thông tin về giảng viên, mục tiêu, chuẩn đầu ra, mô tả môn học, nội dung chi tiết, kế hoạch giảng dạy, kiểm tra đánh giá, học liệu, các quy định về môn học,...)					
2.	Các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng/năng lực và thái độ được nêu đầy đủ, rõ ràng trong ĐCCT và đảm bảo tính khả thi					
3.	Mục tiêu thể hiện được mức độ của các kiến thức, kỹ năng/năng lực và thái độ mà người học được trang bị sau khi học xong môn học.					
4.	CĐR môn học phù hợp ma trận đối ứng CĐR các môn học của CTĐT					
5.	CĐR môn học được mô tả cụ thể bằng các động từ chủ động và bối cảnh áp dụng cụ thể					
6.	Nội dung môn học đáp ứng được các mục tiêu về kiến thức và kỹ năng/năng lực CTĐT phân nhiệm cho môn học					
7.	ĐCCT thể hiện rõ kế hoạch giảng dạy và hình thức giảng dạy cho từng nội dung cụ thể					
8.	Hệ thống học liệu đầy đủ, đa dạng, cập nhật, phù hợp với mục tiêu và nội dung của môn học					
9.	Ý kiến khác					

6.2. Về kiểm tra đánh giá

TT	Nội dung nhận xét	Mức độ đồng ý				
		1	2	3	4	5
1.	Cách thức đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR.					
2.	Phương pháp đánh giá đa dạng, linh hoạt đánh giá toàn bộ quá trình học tập của từng môn học					
3.	Có quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) được thông báo công khai tới người học.					
4.	Trọng số đánh giá đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy.					
5.	Các ý kiến khác:					

Câu 7. Về mức độ cần thiết của mỗi môn học đối với chương trình đào tạo

TT	Môn học	Số tín chỉ	Mức độ cần thiết				Kiến nghị
			Không cần thiết	Ít cần thiết	Cần thiết	Rất cần thiết	
I.	Khối kiến thức đại cương						
1.							

2.							
.....							
II	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp						
III	Khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm						
	CỘNG:	125					

Câu 8. Về mức độ hợp lý về khối lượng kiến thức của các môn học trong chương trình đào tạo đảm bảo hình thành kiến thức và kỹ năng/năng lực cho người học

TT	Môn học	Số tín chỉ	Mức độ hợp lý				Đề xuất số tín chỉ
			Không hợp lý	Ít hợp lý	Hợp lý	Rất hợp lý	
I.	Khối kiến thức đại cương						
1.							
2.							
II	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp						
III	Khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm						
	CỘNG:	125					

Câu 9. Về văn bản hướng dẫn và các điều kiện đảm bảo để thực hiện CTĐT của Nhà trường

TT	Nội dung nhận xét	Mức độ đồng ý				
		1	2	3	4	5
1.	Nhà trường có đầy đủ văn bản hướng dẫn xây dựng và phát triển CTĐT					
2.	Nhà trường có đầy đủ văn bản hướng dẫn thực hiện CTĐT, đề cương chi tiết môn học					
3.	Nhà trường có đầy đủ văn bản hướng dẫn thực hiện kiểm tra, đánh giá môn học, CTĐT một cách bài bản					
4.	Nhà trường thường xuyên đầu tư CSVC, trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động đào tạo của ngành					
5.	Nhà trường, khoa/viện, bộ môn thường xuyên quan tâm đến Rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên					
6.	Các ý kiến khác:					

Câu 10. Về văn bản hướng dẫn và các điều kiện đảm bảo để thực hiện CTĐT của Nhà trường

TT	Nội dung nhận xét	Mức độ đồng ý				
		1	2	3	4	5
1.	Nhà trường có đầy đủ văn bản hướng dẫn xây dựng và phát triển CTĐT					
2.	Nhà trường có đầy đủ văn bản hướng dẫn thực hiện CTĐT, đề cương chi tiết môn học					
3.	Nhà trường có đầy đủ văn bản hướng dẫn thực hiện kiểm tra, đánh giá môn học, CTĐT một cách bài bản					

4.	Nhà trường thường xuyên đầu tư CSVC, trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động đào tạo của ngành					
5.	Nhà trường, khoa/viện, bộ môn thường xuyên quan tâm đến Rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên					
6.	Các ý kiến khác:					

Câu 11: Về mức độ cần đạt (tối thiểu để tốt nghiệp) đối với sinh viên ngành Sư phạm về các năng lực dưới đây:

(**Mức 1:** Có trải nghiệm qua hoặc gặp; **Mức 2:** Có thể tham gia vào và đóng góp cho; **Mức 3:** Có thể hiểu và giải thích; **Mức 4:** Có kỹ năng trong thực hành hoặc triển khai; **Mức 5:** Có thể lãnh đạo hoặc phát minh).

Nhóm năng lực	Các năng lực cụ thể	Mức độ dự kiến	Mức độ				
			1	2	3	4	5
Năng lực cốt lõi	1. Năng lực tư duy, nhận thức xã hội	3					
	2. Năng lực sử dụng ngoại ngữ	3					
	3. Năng lực sử dụng công nghệ thông tin	3					
	4. Năng lực tổ chức hoạt động nhóm	3					
	5. Năng lực tự học, tự bồi dưỡng	4					
Năng lực ngành	1. Năng lực nhận thức về tự nhiên và xã hội	3					
	2. Năng lực giao tiếp trong môi trường sư phạm	3					
	3. Năng lực kiểm tra, đánh giá trong dạy học	4					
	4. Năng lực vận dụng phương pháp dạy học hiện đại	3					
	5. Năng lực thực hành trong hoạt động giáo dục	3					
Năng lực chuyên ngành	1. Năng lực nhận thức bối cảnh bên ngoài, xã hội và môi trường	3					
	2. Năng lực hình thành ý tưởng dạy học, giáo dục	3					
	3. Năng lực thiết kế hoạt động dạy học, giáo dục	3					
	4. Năng lực thực hiện hoạt động dạy học, giáo dục	3					
	5. Năng lực phát triển hoạt động dạy học, giáo dục	3					

Câu 12. Ngoài các nội dung trên, các Thầy/Cô vui lòng bổ sung thêm những ý kiến khác hỗ trợ người học nâng cao các năng lực nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới:

.....

Một lần nữa, trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Thầy/Cô!

Phụ lục 5
Mẫu ma trận các học phần và kỹ năng

Học kỳ	Tên học phần	Mã số	Chủ đề CĐR và TĐNL được phân nhiệm cho học phần								
			2.1.1	...	3.1.1	...	4.1.1	...	4.6.1		...
1	Học phần 1		2.0		2.5		2.5		3.0		
...											
2	Học phần...		2.5		3.0		3.0		3.5		
...											
...	Học phần ...		3.0		3.5						
...											

Phụ lục 6a

Mẫu Đề cương môn học tổng quát

1. Thông tin tổng quát:

(thông tin tổng quát và điều kiện đăng ký môn học)

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

Họ và tên:

Chức danh, học hàm, học vị:

Thời gian, địa điểm làm việc:

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại, email:

Các hướng nghiên cứu chính:

Giảng viên 2:

.....

Thông tin về trợ giảng (nếu có) (họ và tên, địa chỉ liên hệ, điện thoại, e-mail):

(Lưu ý: Mỗi môn học phải có ít nhất 2 giảng viên tham gia giảng dạy)

1.2. Thông tin về môn học:

- Tên môn học (tiếng Việt):	
(tiếng Anh):	
- Mã số môn học:	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
☐ Kiến thức cơ bản	☐ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án tốt nghiệp
- Số tín chỉ:	
+ Số tiết lý thuyết:	
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	
+ Số tiết thực hành:	
+ Số tiết hoạt động nhóm:	
+ Số tiết tự học:	
- Môn học tiên quyết:	
- Môn học song hành:	

2. Mô tả môn học (vị trí, vai trò của môn học đối với CTĐT, những mục đích và nội dung chính yếu của môn học)

Phần này cần tóm tắt được nội dung chính của môn học, những điểm đặc biệt của môn học, sự cần thiết của môn học, bao gồm:

- Vị trí của môn học trong chương trình đào tạo.
- Vai trò của môn học trong toàn bộ chương trình đào tạo.
- Điểm đặc trưng của môn học so với các môn học khác.
- Lý do sinh viên phải chọn môn học.
- Kiến thức và kỹ năng mà môn học cung cấp cho sinh viên

(Lưu ý: cần mô tả ngắn gọn, sử dụng ngôn ngữ tường minh, mô tả môn học một cách sinh động và hấp dẫn).

3. Mục tiêu môn học (các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự tương quan với các chủ đề CĐR (X.x.x.) của CTĐT và trình độ năng lực được phân bổ cho môn học, tối đa 8 mục tiêu)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của CTĐT (X.x.x) (3)	TĐNL (4)
G1		X.x.x	
		...	
G2		X.x.x	
		...	
G3		X.x.x	
		...	
...			

(1): Ký hiệu mục tiêu môn học;

(2): Mô tả mục tiêu môn học bao gồm các động từ Bloom, các chủ đề CĐR (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát;

(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho môn học.

4. Chuẩn đầu ra môn học (các mục tiêu cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

Mục tiêu (Gx.x) (1)	Mô tả CĐR (2)	Mức độ giảng dạy (I,T,U) (3)
G1.1		
G2.1		
G3.1		
...		

(1): Ký hiệu CĐR môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ Bloom, các chủ đề CĐR cấp độ 4 (X.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): Mức độ I (Introduce): Giới thiệu, T (Teach): dạy, U (Utilize): Sử dụng.

5. Đánh giá môn học (các thành phần, các bài đánh giá và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (2)	CĐR môn học (Gx.x) (3)	Tỷ lệ (%) (4)
A1. Đánh giá quá trình			50%
A1.1. Hồ sơ môn học			20%
...			
...			
A1.2. Đánh giá quá trình			10%
	A1.1		
	A1.2		
			
A2. Đánh giá giữa kỳ (*)			20%
	A1.1		
	A1.2		
			
A3. Đánh giá cuối kỳ			50%
HP Lý thuyết			50%
HP Thực hành			50%
HP Lý thuyết và thực hành	Lý thuyết		...
	Thực hành		...

- (1): Liệt kê có hệ thống các thành phần đánh giá môn học.
 (2): Liệt kê có hệ thống các bài đánh giá.
 (3): Các chuẩn đầu ra được đánh giá.
 (4): Tỷ lệ điểm đối với bài đánh giá trong tổng điểm môn học.
 (*): Đánh giá giữa kỳ có thể tổ chức nhiều lần

6. Nội dung giảng dạy (các nội dung giảng dạy lý thuyết và thực hành thể hiện sự tương quan với các CĐR và các bài đánh giá môn học)

Lý thuyết:

Nội dung (1)	CĐR môn học (Gx.x) (2)	Bài đánh giá (3)
Chương 1		
1.1.		
1.2.		
.....		
.....		

- (1): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục.
 (2): Liệt kê các CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x).
 (3): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ký hiệu A.x.x).

Thực hành:

Nội dung (1)	CĐR môn học (Gx.x) (2)	Bài đánh giá (3)
Bài thực hành 1:		
.....		
.....		

- (1): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành.
 (2): Liệt kê các CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x).
 (3): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ký hiệu A.x.x).

7. Nguồn học liệu(các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm,...)

Giáo trình:(Tối đa 2 tài liệu)

[1] Tên tác giả, tên giáo trình, tên nhà xuất bản, năm xuất bản.

...

Tài liệu tham khảo:

[1] Tên tác giả, tên giáo trình, tên nhà xuất bản, năm xuất bản.

...

[...] Tên hãng phần mềm (năm phát hành/phiên bản), tên phần mềm.

8. Quy định của môn học

Các quy định của môn học như:

- Sinh viên nộp Hồ sơ môn học theo yêu cầu.
- Sinh viên phải nộp bài tập/báo cáo,....
- Tỷ lệ thời gian sinh viên phải có mặt trên lớp/thực hành.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn phụ trách:
- Địa chỉ/email:

Phụ lục 6b

Mẫu Đề cương môn học chi tiết

1. Thông tin tổng quát:

(thông tin tổng quát và điều kiện đăng ký môn học)

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

Họ và tên: Chức danh, học hàm, học vị:

Thời gian, địa điểm làm việc:

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại, email:

Các hướng nghiên cứu chính:

Giảng viên 2:

.....

Thông tin về trợ giảng (nếu có) (họ và tên, địa chỉ liên hệ, điện thoại, e-mail):

(Lưu ý: Mỗi môn học phải có ít nhất 2 giảng viên tham gia giảng dạy)

1.2. Thông tin về môn học:

- Tên môn học (tiếng Việt):	
(tiếng Anh):	
- Mã số môn học:	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
☐ Kiến thức cơ bản	☐ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án tốt nghiệp
- Số tín chỉ:	
+ Số tiết lý thuyết:	
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	
+ Số tiết thực hành:	
+ Số tiết hoạt động nhóm:	
+ Số tiết tự học:	
- Môn học tiên quyết:	
- Môn học song hành:	

2. Mô tả môn học (vị trí của môn học đối với CTĐT, những mục đích và nội dung chính yếu của môn học)

Phần này cần tóm tắt được nội dung chính của môn học, những điểm đặc biệt của môn học, sự cần thiết của môn học, bao gồm:

- Vai trò của môn học trong toàn bộ chương trình đào tạo.
- Điểm đặc trưng của môn học so với các môn học khác.
- Lý do sinh viên phải chọn môn học.
- Kiến thức và kỹ năng mà môn học cung cấp cho sinh viên

(Lưu ý: cần mô tả ngắn gọn, sử dụng ngôn ngữ tường minh, mô tả môn học một cách sinh động và hấp dẫn).

3. Mục tiêu môn học (các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự tương quan với các chỉ đề CDR (X.x.x.) của CTĐT và trình độ năng lực được phân bổ cho môn học, tối đa 8 mục tiêu)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của CTĐT (X.x.x) (3)	TĐNL (4)
G1		X.x.x	
		...	

G2		X.x.x	
		...	
G3		X.x.x	
		...	
...			

(1): Ký hiệu mục tiêu môn học

(2): Mô tả mục tiêu môn học bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát.

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho môn học.

4. Chuẩn đầu ra môn học(các mục tiêu cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

Mục tiêu (Gx.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I,T,U) (3)
G1.1		
G2.1		
G3.1		
...		

(1): Ký hiệu CDR môn học;

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR cấp độ 4 (X.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể;

(3): Mức độ I (Introduce): Giới thiệu, T (Teach): dạy, U (Utilize): Sử dụng.

5. Đánh giá môn học(các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (2)	CDR môn học (Gx.x) (3)	Tỷ lệ (%) (4)
A1. Đánh giá quá trình			40%
A1.1. Hồ sơ môn học			20%
...			
...			
A1.2. Đánh giá quá trình			20%
	A1.1		
	A1.2		
			
A2. Đánh giá giữa kỳ (*)			20%
	A1.1		
	A1.2		
			
A3. Đánh giá cuối kỳ			40%
HP Lý thuyết			40%
HP Thực hành			40%
HP Lý thuyết và thực hành	Lý thuyết		...
	Thực hành		...

(1): Liệt kê có hệ thống các thành phần đánh giá môn học.

(2): Liệt kê có hệ thống các bài đánh giá.

(3): Các chuẩn đầu ra được đánh giá.

(4): Tỷ lệ điểm đối với bài đánh giá trong tổng điểm môn học.

(*): **Đánh giá giữa kỳ có thể tổ chức nhiều lần**

6. Kế hoạch giảng dạy (các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các chuẩn đầu ra của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) các bài đánh giá môn học)

Lý thuyết:

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	Hình thức tổ chức DH (3)	Chuẩn bị của SV (4)	CDR môn học (5)	Bài đánh giá (6)
1.	Chương 1	Lý thuyết: ... Thảo luận:...		Gx.x	Ax.x.

	1.1. 1.2.	Bài tập:... Thực hành:... Hoạt động nhóm:... Tự học:...		...	
2.					

(1): Thông tin về tuần/buổi học;

(2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục;

(3): Liệt kê các hoạt động dạy và học: Lý thuyết, thảo luận, bài tập, thực hành, hoạt động nhóm, tự học;

(4): Liệt kê các nội dung yêu cầu SV phải chuẩn bị trước khi thực hiện bài học

(Trước khi triển khai bài dạy, giảng viên phải yêu cầu SV chuẩn bị các nội dung chi tiết)

(5): Liệt kê các CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x).

(6): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu A.x.x).

Thực hành:

Tuần/ Buổi học (1)	Nội dung (2)	Hình thức tổ chức DH (3)	Chuẩn bị của SV (4)	CDR môn học (5)	Bài đánh giá (6)
1.	Bài thực hành 1:	Trên lớp:... Tự học:...		Gx.x ...	Ax.x.
2.					

(1): Thông tin về tuần/buổi học

(2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành

(3): Liệt kê các hoạt động dạy và học: Thực hành trên lớp, tự học;

(4): Liệt kê các nội dung yêu cầu SV phải chuẩn bị trước khi thực hiện bài học;

(Trước khi triển khai bài dạy, giảng viên phải yêu cầu SV chuẩn bị các nội dung chi tiết)

(5): Liệt kê các CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x).

(6): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu A.x.x).

7. Nguồn học liệu (các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm,...)

Giáo trình: (Tối đa 2 tài liệu)

[1] Tên tác giả, tên giáo trình, tên nhà xuất bản, năm xuất bản.

...

Tài liệu tham khảo:

[1] Tên tác giả, tên giáo trình, tên nhà xuất bản, năm xuất bản.

...

[...] Tên hãng phần mềm (năm phát hành/phiên bản), tên phần mềm.

8. Quy định của môn học

Các quy định của môn học như:

- Sinh viên nộp Hồ sơ môn học theo yêu cầu.

- Sinh viên phải nộp bài tập/báo cáo,....

- Tỷ lệ thời gian sinh viên phải có mặt trên lớp/thực hành.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn phụ trách:

- Địa chỉ/email: